TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 06/2026/HNGĐ-ST Ngày: 20/01/2026 V/v "Tranh chấp ly hôn".	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Ghết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Liêu Tài Ngoánh

2. Ông Huỳnh Tài Em

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Lào - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị B, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau

CCCD số: 096192005876; ngày cấp: 14/8/2021; nơi cấp: Cục C về TTXH

Bị đơn: Anh Trang Hoài T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau

Định danh cá nhân số: 095083003607

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện, biên bản ghi lời khai nguyên đơn chị Thạch Thị B trình bày:* Chị và anh Trang Hoài T xây dựng hôn nhân năm 2009. Đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã V, tỉnh Cà Mau). Hôn nhân của chị là tự nguyện.

Vợ chồng chị chung sống có 02 con chung là Trang Vi B1, sinh ngày 01/01/2010 và Trang Thị Bảo H, sinh ngày 01/01/2013. Cháu H đang sống cùng chị và cháu B1 đang sống cùng anh T.

Trong thời gian chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau. Anh T thường xuyên nhậu nhẹt về kiếm chuyện với chị, đánh chị, chị và anh T đã ly thân từ tháng 3/2025 đến nay. Giữa chị và anh T không còn tình cảm với nhau, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh Trang Hoài T.

Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cháu Trang Thị Bảo H, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Trang Vi B1 đang sống cùng anh T nên chị đồng ý giao cháu B1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Anh Trang Hoài T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thạch Thị B.

- Em Trang Thị Bảo H trình bày ý kiến: Có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là Thạch Thị B.

- Ý kiến của kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

- Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thạch Thị B với anh Trang Hoài T.

- Về con chung: Giao cháu Trang Thị Bảo H cho chị Thạch Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trang Vi B1 cho anh Trang Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Thạch Thị B và anh Trang Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng: Chị Thạch Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét giải quyết.

- Tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trang Hoài T cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Nguyên đơn chị Thạch Thị B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trang Hoài T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Thạch Thị B và anh Trang Hoài T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thạch Thị B và anh Trang Hoài T có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Hôn nhân giữa chị B và anh T là tự nguyện và hợp pháp. Chị B xác định vợ chồng chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cải với nhau, anh T thường nhậu nhẹt về kiếm chuyện, đánh chị. Thực tế chị B và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 3/2025 đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị B và anh T không có biện pháp nào để hàn gắn hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Trang Hoài T để tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Cho thấy anh T không có thiện chí muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân.

Hội đồng xét xử thấy rằng đời sống hôn nhân giữa chị Thạch Thị B và anh Trang Hoài T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị B đối với anh Trang Hoài T.

[3] Về con chung: Chị Thạch Thị B xác định có 02 con chung là Trang Vi B1, sinh ngày 01/01/2010 và Trang Thị Bảo H, sinh ngày 01/01/2013. Chị B yêu cầu được nuôi cháu Trang Thị Bảo H và giao cháu Trang Vi B1 cho anh Trang Hoài T tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Trang Thị Bảo H có nguyện vọng được sống cùng với chị B; Đối với cháu Trang Vi B1 tuy không ghi nhận được ý kiến của cháu nhưng cháu B1 hiện đang sống cùng anh T và do anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời, chị B đồng ý giao cháu B1 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của các con sau ly hôn, để không làm xáo trộn cuộc sống cũng như ảnh hưởng đến tâm lý của các con, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Trang Thị Bảo H cho chị Thạch Thị B trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Trang Vi B1 cho anh Trang Hoài T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Thạch Thị B và anh Trang Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng: Chị Thạch Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị B xác định không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Thạch Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

[7] Những phân tích, nhận định và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với tài liệu chứng cứ cũng như phân tích, đánh giá của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Thạch Thị B đối với anh Trang Hoài T.

2. Về con chung: Giao cháu Trang Thị Bảo H, sinh ngày 01/01/2013 cho chị Thạch Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Giao cháu Trang Vi B1, sinh ngày 01/01/2010 cho anh Trang Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Thạch Thị B và anh Trang Hoài T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng: Chị Thạch Thị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Thạch Thị B xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Thạch Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Chị B đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002839 ngày 22/10/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cà Mau;
-TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Vĩnh Hậu;
- Lưu: HS; VT-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phan Thị Mỹ Ghết